

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 56/2024/QĐST-HNGĐ

Hương Thủy, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Võ Tá Q, sinh năm 1996; Địa chỉ: B L, tổ F, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Chị Phan Ngọc Bích T, sinh năm 2005; Địa chỉ: A T, Tổ E, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Võ Tá Q và chị Phan Ngọc B Thảo đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2023 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên về quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Tá Q và chị Phan Ngọc Bích T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất tính tình không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2024 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, đoàn tụ được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc Bích T](#) đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Việc thuận tình ly hôn giữa anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc B T](#) là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc Bích T](#).

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc B](#) Thảo công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu [Võ Ngọc Hải Đ](#), sinh ngày 14/8/2023. Anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc Bích T](#) thỏa thuận giao cháu [Võ Ngọc Hải Đ](#) cho chị [Phan Ngọc B T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu [Võ Ngọc Hải Đ](#) trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh [Võ Tá Q](#) không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc Bích T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc Bích T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc Bích T](#) thuận tình ly hôn.

- **Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:** Anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc B](#) Thảo công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu [Võ Ngọc Hải Đ](#), sinh ngày 14/8/2023. Anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc Bích T](#) thỏa thuận giao cháu [Võ Ngọc Hải Đ](#) cho chị [Phan Ngọc B T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu [Võ Ngọc Hải Đ](#) trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh [Võ Tá Q](#) không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung:** Anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc Bích T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc Bích T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh [Võ Tá Q](#) và chị [Phan Ngọc B](#) Thảo mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh [Võ Tá Q](#) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003793 ngày 16/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị [Phan Ngọc Bích T](#) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003794 ngày 16/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế nên nay không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Châu (ĐKKH ngày 17/7/2023);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng

